

Số: 4157/BC-UBND

Tam Đường, ngày 14 tháng 8 năm 2020

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 8, nhiệm vụ trọng tâm tháng 9 năm 2020**

### Phần I

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH THÁNG 8 NĂM 2020**

#### I. TÌNH HÌNH CHUNG

##### 1. Thuận lợi

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tháng 8 năm 2020, huyện Tam Đường tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự giúp đỡ hiệu quả của các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, HĐND huyện, sự phấn đấu tích cực của các cấp, các ngành và sự đồng thuận cao của Nhân dân các dân tộc trong huyện.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức, đề ra nhiều giải pháp thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

##### 2. Khó khăn

Thời tiết, khí hậu diễn biến phức tạp, có thời điểm mưa nhiều; Tình hình dịch bệnh Covid-19 có chiều hướng phát triển tại hơn 11 tỉnh thành trong cả nước đã ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt của đời sống, sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thu ngân sách trên địa bàn.

Hạ tầng cơ sở ở một số xã còn nhiều khó khăn, nguồn vốn còn nhiều hạn chế trong khi nhu cầu đầu tư lớn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

#### I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

##### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; xây dựng nông thôn mới

###### a. Trồng trọt

- Lúa mùa: Tập trung chỉ đạo chăm sóc lúa 4.121,8/4.187 ha<sup>1</sup>, đạt 98,4% so KH, hiện lúa giai đoạn trổ bông-chín sữa, sinh trưởng phát triển bình thường.

- Ngô vụ xuân hè: Thu hoạch 863 ha (lũy kế 2.273/2.273 ha), năng suất 39 tạ/ha, sản lượng 8.865 tấn.

<sup>1</sup> Có 65,2 ha chuyển đổi sang cây trồng khác, gồm: Bàn Bò 5 ha chuyển trồng chanh leo; Bình Lư 20 ha chuyển trồng cây Chuối; Hồ Thầu 02 ha chuyển trồng cây Chanh leo; Bàn Giang 27 ha chuyển trồng cây Mía; Sơn Bình 11,2 ha (9,2 ha chuyển trồng Dong diêng; 02 ha chuyển trồng mía).

- Ngô Thu đông: Chỉ đạo gieo trồng 1.010/1.420 ha, đạt 71,1% so KH, hiện tiếp tục chỉ đạo gieo trồng theo kế hoạch.

- Cây trồng khác:

+ Cây chè: Trồng mới cây chè 201,3 ha (lũy kế 242,3/170 ha) đạt 142,5% so với KH; nâng tổng diện tích chè hiện có lên 1.578,9 ha<sup>2</sup>, trong đó có 970,7 ha chè kinh doanh, sản lượng thu hoạch trong tháng chè búp tươi 880 tấn (lũy kế 6.131 tấn) đạt 63,5% so với KH.

+ Cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả 654,3 ha, trong đó: trồng mới theo mô hình dự án lũy kế 40 ha (Cây Chuối 23 ha, cây Chanh leo 17 ha), trong tháng tập trung chỉ đạo rà soát đánh giá thực trạng phát triển cây ăn quả ôn đới; hướng dẫn Nhân dân bảo vệ, chăm sóc diện tích cây ăn quả trồng mới từ năm 2019 trở về trước.

+ Chỉ đạo chăm sóc cây Dong riêng 81,2/72 ha đạt 112,8 % kế hoạch, hiện cây giai đoạn phát triển thân lá, sinh trưởng tốt; cây Mía 70/62 ha, đạt 112,9 % kế hoạch, hiện cây phát triển thân lá, sinh trưởng tốt. Rau, củ, quả các loại, trong tháng thực hiện 22 ha, lũy kế 174/260 ha, đạt 66,9% so KH, hiện tiếp tục chỉ đạo Nhân dân gieo trồng theo kế hoạch.

\* Trong tháng xuất hiện một số đối tượng gây hại chính: trên cây lúa rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn lá, bệnh bạc lá; trên cây Cam bệnh vàng lá, nhện trắng; trên cây chè rầy xanh, đã tổ chức phòng trừ 96,5/101,2 ha, đạt 95,5% so diện tích bị nhiễm sâu bệnh (cây lúa 90,5/90,5ha; cây ngô 2/3 ha; cây Cam 0/2,7 ha; cây chè 2/2ha; cây dong riêng 2/3ha), hiện tiếp tục chỉ đạo nhân dân phòng trừ theo quy định.

## **b. Chăn nuôi, thủy sản**

- **Chăn nuôi:** Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, đến ngày 10/8/2020 trên địa bàn huyện có 6 xã (11 bản) bị Dịch tả lợn Châu Phi (5 xã, 10 bản đang còn dịch<sup>3</sup>; 01 xã, 01 bản đã công bố hết dịch<sup>4</sup>); tổ chức tiêu hủy tổng số 35 con lợn, khối lượng 1.801 kg (20 hộ, 11 bản, 6 xã); cấp 809 đã cấp hỗ trợ thuốc Povidine-iodine 10% (lũy kế cấp 873 lít thuốc), 250 kg vôi (lũy kế cấp 275 kg vôi) để thực hiện việc tiêu độc khử trùng khu vực chợ và các hộ chăn nuôi tại 13 xã, thị trấn. Kiểm tra 13/13 xã, thị trấn về việc triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

- **Thủy sản:** Duy trì chăm sóc, kiểm tra dịch bệnh 211/211 ha nuôi trồng thủy sản, sản lượng thu hoạch trong tháng ước đạt 68 tấn (lũy kế đạt 504/770 tấn).

**c. Lâm nghiệp:** Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Luật Lâm nghiệp, PCCCR và chính sách chi trả DVMTR gắn với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng theo quy định. Tiếp tục phối hợp hướng dẫn, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân nhận khoán thực hiện chăm sóc, trồng dặm, trồng lại diện tích rừng trồng

<sup>2</sup> Chuyển 245,9 ha chè tại xã Sùng Phài chuyển về Thành phố Lai Châu

<sup>3</sup> Bình Lư 01 bản; Bản Giang 02 bản; Bản Bo 01 bản; Sơn Bình 01 bản; Nà Tầm 5 bản.

<sup>4</sup> Thị trấn Tam Đường 1 bản.

chưa đảm bảo mật độ theo quy định đạt 24,55 ha<sup>5</sup>; bảo vệ 2.350 ha diện tích khoanh nuôi tái sinh tự nhiên. Phối hợp tuần tra, kiểm tra rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, qua tuần tra, kiểm tra rừng đã kịp thời phát hiện, nhắc nhở, hướng dẫn 01 trường hợp phát dọn thực bì dưới tán rừng để trồng sa nhân, ngăn chặn 01 hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp và quản lý đất đai.

**d. Công tác thủy lợi, nước sinh hoạt; Phòng chống thiên tai và TKCN:** Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt sau đầu tư; thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và TKCN, duy trì nghiêm chế độ trực Ban Chỉ huy 24/24h trong thời gian cao điểm; tăng cường chỉ đạo rà soát, chuẩn bị các phương án phòng chống thiên tai trước mùa mưa lũ.

**e. Chương trình xây dựng NTM:** Chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch, đặc biệt tại xã Thèn Sin, Khun Há phấn đấu về đích năm 2020. Tiếp tục đôn đốc các xã đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm. Chỉ đạo 04 xã Nà Tăm, Bản Giang, Thèn Sin, Sơn Bình cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ Đoàn kiểm toán bằng nguồn ngân sách đầu tư và sự nghiệp NTM và chương trình 135 năm 2019.

**g. Các Mô hình, Dự án:** Tiếp tục thực hiện các mô hình trồng mới như:

+ Mô hình trồng cây ăn quả ôn đới theo chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh (lũy kế) 10 ha, trong đó: Lê 5,3 ha (Hồ Thầu 1,3 ha; Giang Ma 4 ha); Mận 4,7 ha (Hồ Thầu 1,7 ha; Giang Ma 3 ha); hiện nay cây sinh trưởng phát triển bình thường.

+ Mô hình trồng cây chanh leo: Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao BeeFoods Lai Châu, trồng mới 17,06 ha, tại xã 5 xã (Bản Bo 2,6 ha, Hồ Thầu 2,31 ha, Khun Há 5,43 ha, Thị trấn 4,53 ha, Bản Hon 1ha, Thèn sin 1,19 ha), chỉ đạo Nhân dân chăm sóc, cắt tỉa, phòng trừ bệnh loang dầu, lở cổ rễ.

+ Cây chuối: Trồng mới 23,1 ha, trong đó: Hợp tác xã nông nghiệp xanh xã Bình Lư thực hiện 20 ha; nhân dân tự đầu tư trồng 3,1 ha, tại xã Hồ Thầu 1,1 ha (bản Si Thâu Chải); xã Bản Giang 2 ha (bản Tản Phủ nhiều); hiện nay cây sinh trưởng phát triển bình thường.

**2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:** Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sản xuất trong tháng ước đạt 17.889,96 triệu đồng (*theo giá hiện hành*), trong đó: Công nghiệp khai thác mỏ 1.998,50 triệu đồng; Công nghiệp chế biến 13.201,60 triệu đồng; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước 2.689,86 triệu đồng.

**3. Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ:** Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở kinh doanh các mặt hàng thiết yếu (khẩu trang, nước sát khuẩn, lương thực, thực phẩm...) thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, không nâng giá, trực lợi ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân và công tác phòng, chống dịch bệnh. Làm

<sup>5</sup> Dự án trồng rừng thay thế các năm 2015 là 1,37 ha; năm 2016 là 3,9 ha; năm 2017 là 2,8 ha. Đề án phát triển cây Sơn tra các năm 2018 là 5,8 ha; năm 2019 là 10,68 ha.

tốt công tác phòng, chống hàng giả, hàng kém chất lượng, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổng giá trị sản xuất thương mại trong tháng ước đạt 22.119 triệu đồng; Trong đó, dịch vụ lưu trú, ăn uống doanh thu ước đạt 3.091,42 triệu đồng; Dịch vụ kinh doanh, bán lẻ hàng hóa doanh thu ước đạt 19.027,67 triệu đồng. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, công tác phát hành báo chí, thông tin liên lạc luôn đảm bảo thông suốt kịp thời; trong tháng đã vận chuyển và phát tới tay độc giả 20.500 tờ/cuốn báo và tạp chí; doanh thu phát sinh 625 triệu đồng.

#### **4. Tài chính, ngân hàng**

Thẩm định hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công trình chuẩn bị đầu tư. Tổng thu NSNN trên địa bàn 2.421 triệu đồng (*ngân sách huyện hưởng 2.296 triệu đồng*). Lũy kế số thu trên địa bàn 11.509 triệu đồng, đạt 34.7% Nghị quyết HĐND huyện giao;

Tổng chi ngân sách địa phương trong tháng 52.585 triệu đồng (Chi đầu tư phát triển 3.781 triệu đồng ; Chi thường xuyên 42.385 triệu đồng; Chi chuyển giao ngân sách 6.419 triệu đồng). Lũy kế số chi ngân sách địa phương 278.815 triệu đồng trong đó (Chi đầu tư phát triển 34.029 triệu đồng ; Chi thường xuyên 192.712 triệu đồng; Chi chuyển giao ngân sách 51.810 triệu đồng).

Tổng huy động vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện ước đạt 312.599 triệu đồng, dư nợ ước 406.013 triệu đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện huy động vốn ước đạt 339.650 triệu đồng, dư nợ ước 339.232 triệu đồng.

**5. Đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý quy hoạch:** Chỉ đạo đảm bảo tiến độ kế hoạch thi công các công trình đầu tư mới năm 2020. Tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn tính đến ngày 10/8/2020 là 59.402 triệu đồng<sup>6</sup>, đạt 59 % kế hoạch vốn. Tăng cường kiểm tra thực hiện xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn Thị trấn Tam Đường và các xã đã có quy hoạch được phê duyệt; trong tháng cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ cho 04 trường hợp.

**6. Quản lý tài nguyên, môi trường và khoáng sản:** Cấp mới 14 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*diện tích 22.482,6 m<sup>2</sup>*); Thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Tản A Tồn (C) ở bản Khèo Thầu - Rừng Ôi, xã Hồ Thầu và ông Hầu A Su ở bản Lao Tỷ Phùng, xã Nùng Nàng (*Do cấp không đúng đối tượng và sai nguồn gốc sử dụng đất*); Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục tăng cường công tác quản lý khai thác khoáng sản trên địa bàn. Công tác kiểm kê đất đai hiện nay đã hoàn thiện số liệu và lập bản đồ hiện trạng chuẩn bị phê duyệt.

## **II. VĂN HOÁ - XÃ HỘI**

**1. Giáo dục và Đào tạo:** Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020<sup>7</sup>, Tiếp nhận và tổ chức xét tuyển hồ sơ tuyển sinh các

<sup>6</sup> Nguồn tỉnh quản lý: 27.988 triệu đồng, đạt 72% tổng vốn. Nguồn huyện quản lý: 31.618 triệu đồng, đạt 52% KH

<sup>7</sup> Từ ngày 08-10/8/2020 với 269/272 thí sinh tham gia (02 thí sinh bỏ thi, 01 thí sinh thi ngày đầu, ngày sau bị tai nạn) tại 14 phòng thi (Trường THPT Bình Lư).

trường Nội trú Trung ương và nội trú huyện năm học 2020 - 2021. Tiếp tục chỉ đạo các trường về công tác phòng, chống thiên tai, bảo vệ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong thời gian nghỉ hè. Tổ chức xét thi đua cuối năm học; Tham gia tập huấn bồi dưỡng đại trà cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp Tiểu học và THCS triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đợt 1. Chuẩn bị các điều kiện cho việc thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng hè 2020 và công tác tổ chức tổng kết năm học 2019-2020.

## **2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; dân số, KHHGD:**

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh. Chỉ đạo triển khai, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn. Tiến hành rà soát người đi đến Đà Nẵng từ ngày 01/7/2020 về địa bàn huyện. Lũy tích số người đi từ Đà Nẵng về địa bàn 09 người, đã được lấy mẫu xét nghiệm, 9/9 người có kết quả âm tính. Số người tiếp xúc gần 487 người. Tổ chức đánh giá chấm điểm bộ tiêu chí bệnh viện an toàn phòng chống dịch Covid-19 theo quyết định 3088/QĐ-BYT ngày 16/7/2020 của Bộ Y tế. Kiện toàn đội điều tra, xác minh, đội phản ứng nhanh, đội điều trị cơ động sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu. Trong tháng đã ban hành 04 quyết định về việc áp dụng biện pháp cách ly y tế tập trung cho 18 trường hợp (17 trường hợp nhập cảnh từ nước ngoài, 01 trường hợp về từ Đà Nẵng) và đang áp dụng các biện pháp cách ly tập trung tại huyện 16 trường hợp (02 trường hợp đã kết thúc cách ly y tế tập trung và tự theo dõi sức khỏe tại nhà); 9 trường hợp cách ly tại nhà. Lũy tích đến thời điểm hiện nay có 17 trường hợp nghi mắc Covid-19 (đợt 1) (Qua xét nghiệm đều có kết quả xét nghiệm âm tính); số người áp dụng các biện pháp cách ly y tế tại huyện 1.673 người (trong đó: Số người cách ly tại Trung tâm Y tế 9 người; số cách ly tại cơ sở cách ly tập trung của huyện 133 người; số cách ly tại nhà/ nơi lưu trú 1.566 người).

- Trong tháng đã tổ chức khám, điều trị 15.110 lượt người (điều trị nội trú 677 bệnh nhân, ngoại trú + kê đơn 6.041 bệnh nhân), số sử dụng methadone tại cơ sở là 157 bệnh nhân.

- Tăng cường công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, phối hợp liên ngành tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện<sup>8</sup>; Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành tốt chính sách, pháp luật về dân số KHHGD<sup>9</sup>.

**3. Lĩnh vực Văn hoá - Thông tin, Truyền thanh - Truyền hình:** Tiếp tục thực hiện tốt việc tuyên truyền về sự thành công Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tam Đường lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025, tuyên truyền các ngày lễ lớn, trọng đại của Đất nước và các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tới Nhân dân. Chỉ

<sup>8</sup> Giám sát 11/62 cơ sở ăn uống; 03/33 cơ sở kinh doanh thời vụ

<sup>9</sup> ; Tuyên truyền tại bản 76 buổi; tư vấn tại gia đình 221 hộ về kế hoạch hoá gia đình, tác hại của tảo hôn, lợi ích của sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, đề án CSSK Người cao tuổi

đạo tăng cường công tác quản lý tại các điểm du lịch đã được công nhận, phổ biến, tuyên truyền các nội dung chính trang lại các điểm du lịch để tiếp tục đón khách; Trong tháng toàn huyện đón khoảng 38.642 lượt khách du lịch, doanh thu đạt 13.9 tỷ đồng. Tổ chức thành công chương trình văn nghệ chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện Tam Đường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 –2025 và chương trình ra mắt câu lạc bộ văn nghệ dân gian dân tộc Lự bản Thăm xã Bản Hòn với sự tham gia của trên 30 diễn viên quần chúng; Phục dựng 04 lễ hội cúng rừng tại các bản Bản Hòn; Bản Thăm; Bản Nà Khum xã Bản Hòn và Bản Pa Pe xã Bình Lư. Việc ứng dụng CNTT vào giải quyết công việc đã được thực hiện tốt giúp cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu suất công việc. Các hoạt động thông tin, truyền thông được triển khai tích cực. Tổng số giờ tiếp sóng, phát sóng truyền hình đạt 1.767 giờ, FM đạt 589 giờ; xây dựng được 08 chương trình truyền hình, 31 chương trình truyền thanh, sử dụng 198 tin, bài và các tài liệu khác đảm bảo chất lượng, kịp thời tuyên truyền về các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

**4. Công tác đào tạo nghề, lao động việc làm, thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội, Bảo hiểm xã hội:** Các chính sách an sinh xã hội, chính sách cho người có công, gia đình chính sách được quan tâm thực hiện; Tiến hành thăm, tặng quà người có công, thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn huyện Tam Đường nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày TBLT (27/7/1947-27/7/2020)<sup>10</sup>; Thăm định danh sách 60 học viên học nghề cho 2 lớp tại xã Bản Bo, xã Nùng Nàng do Công ty Hùng Vương thực hiện trên địa bàn huyện. Kiểm tra 4 lớp nghề (*1 lớp chè, xã Nà Tăm; 2 lớp chè xã Bình Lư; 1 lớp cây ăn quả xã Sơn Bình*). Quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em; Tiến hành chi trả xong chế độ hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 theo Nghị quyết 42 của Chính phủ<sup>11</sup>. Ước đến hết tháng 8/2020 số người tham gia Tham gia BHXH bắt buộc là 2.456 người, BHTN là 1.842 người; BHXH tự nguyện: 385 người Tham gia BHYT: 54.350 người. thu toàn huyện thu được 23.331 triệu đồng (Lũy kế 48.967 triệu đồng). Thực hiện chi trợ cấp BHXH, BHTN là Với tổng số tiền là 1.351 triệu đồng (Lũy kế 13.606 triệu đồng).

**5. Công tác dân tộc - tôn giáo:** Công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được quan tâm; Tiếp tục thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg tại 04 xã: Thèn Sin, Sơn Bình, Giang Ma và Nà Tăm về hỗ trợ nước sinh hoạt

<sup>10</sup> Lãnh đạo huyện tiếp nhận tổ chức thăm tặng với tổng số 332 suất quà, kinh phí 187,5 triệu đồng (trong đó: 109 suất quà chủ tịch nước, kinh phí 21,8 triệu đồng; 07 suất quà lãnh đạo tỉnh, kinh phí 14 triệu đồng, 126 suất quà lãnh đạo huyện, kinh phí 50,4 triệu đồng, 54 suất quà Ngân hàng Nhà nước, kinh phí 27 triệu đồng, 2 suất quà của Quân khu 2, kinh phí 1 triệu đồng; 03 suất quà của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, kinh phí 3,6 triệu đồng; 01 suất quà Đoàn thanh niên Sở ngoại vụ, kinh phí 0,7 triệu đồng; 30 suất quà Phó chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh, kinh phí 69 triệu đồng); Các xã tổ chức thăm, tặng 103 suất quà cho NCC và thân nhân NCC với tổng số tiền 30 triệu đồng trong đó: (tiền mặt 22 triệu đồng, tiền quà 8 triệu đồng).

<sup>11</sup> Đối tượng người có công 73 đối tượng, kinh phí hỗ trợ 108/109,5 triệu đồng; Đối tượng bảo trợ xã hội 1.012 đối tượng, kinh phí 1.512/1.517 triệu đồng, Đối tượng hộ nghèo 12.196/12.370 đối tượng, kinh phí 9.145,5/9.277,5 triệu đồng, Đối tượng hộ cận nghèo 5.856/5.937 đối tượng, kinh phí 4.391,25/4.452,75 triệu đồng; Đối với người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp: 01 người, kinh phí 1.000.000 đồng; Đối với người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm: Thực hiện hỗ trợ 118 người, kinh phí 118.000.000 đồng.

phân tán; Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ 90 con trâu sinh sản cho các hộ dân 2 xã Bản Hòn và Bình Lư theo Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc Lự, Si La trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2025. Thực hiện tốt công tác nắm bắt tình hình tôn giáo và hoạt động tôn giáo trên địa bàn; đồng bào có niềm tin tôn giáo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước<sup>12</sup>.

**6. Công tác xây dựng chính quyền và cải cách hành chính:** Tiếp tục thực hiện việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị; thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định<sup>13</sup>; Công tác cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

### III. QUỐC PHÒNG - AN NINH

**1. Quốc phòng:** Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tổ chức huấn luyện cho lực lượng thường trực, quân số tham gia đạt 74.2%, kết quả đạt loại khá giỏi 80%; chỉ đạo các Ban chỉ huy quân sự các xã thị trấn huấn luyện dân quân tự vệ theo kế hoạch. Tích cực tham gia thực hiện phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn.

**2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:** Tình hình ANCT, trật tự ATXH ổn định, không để xảy ra vụ việc phức tạp, đột xuất, bất ngờ. Triển khai phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn cho Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tam Đường lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025. Tiếp tục làm tốt công tác quản lý người nước ngoài đến địa bàn; thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và đấu tranh tố giác tội phạm; tăng cường lực lượng xuống cơ sở nắm tình hình địa bàn, đối tượng; tập trung điều tra làm rõ các vụ việc về hình sự, ma túy đã xảy ra<sup>14</sup>. Tăng cường tuần tra, kiểm soát đảm bảo ATGT, Trong tháng, xảy ra 02 vụ TNGT làm chết 01 người, bị thương 01 người, hư hỏng 02 xe ô tô; Công an huyện đã tăng cường tuần tra, kiểm soát, phát hiện 54 trường hợp vi phạm, hoàn thiện hồ sơ XPHC 27 trường hợp = 12.913.000 đồng nộp Kho bạc huyện. Phối hợp tổ chức 01 cuộc tuyên truyền Luật

<sup>12</sup> Toàn huyện có 10 xã, 01 thị trấn, 53 bản, 38 điểm nhóm (số điểm nhóm đã đăng ký sinh hoạt 15, số điểm nhóm chưa đăng ký sinh hoạt 23) với 1.661 hộ, 8.763 khẩu (nam 4.410, nữ 4.353) có niềm tin theo các tổ chức tôn giáo.

<sup>13</sup> Cấp huyện: Quyết định cử công chức tham gia lớp bồi dưỡng Trưởng, Phó phòng giáo dục và đào tạo năm 2020 cho 02 người; bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, quản lý 01 người; cho 01 viên chức ngành giáo dục nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí; giải thể các tổ chức hội của xã Sùng Phài. Công văn nhất trí cho 01 viên chức giáo dục chuyển công tác. Ban hành Kế hoạch mở lớp bồi dưỡng báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật năm 2020

Cấp xã: Quyết định xếp mức phụ cấp 01 người; cho hưởng kiêm nhiệm chức danh cán bộ xã: 02 người;

<sup>14</sup> Lĩnh vực TTXH: Phát hiện, điều tra làm rõ 04 vụ/04 đối tượng (02 vụ = 02 đối tượng TCTS, 01 vụ = 01 đối tượng Cố ý gây thương tích và 01 vụ án = 01 đối tượng Mua bán người, bị hại là cháu Sùng Thị Nàng - sinh năm: 2003, trú tại Ma Sao Phìn Thấp, xã Khun Há).

- Lĩnh vực PCMT: Phát hiện, bắt quả tang 01 vụ = 01 đối tượng (Lò Văn Thóm - SN1974, trú tại xã Bình Lư) về hành tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 1,2 gam hêrôin.

GTĐB tại xã Sơn Bình với hơn 120 người tham dự. Tình trạng tai nạn xã hội vẫn còn xảy ra<sup>15</sup>.

#### IV. THANH TRA, TƯ PHÁP

**1. Công tác Thanh tra:** Tiếp tục thực hiện 01 cuộc thanh tra về việc quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách tại Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện, UBND xã Tả Lèng huyện Tam Đường. Tổ chức tiếp công dân được 29 lượt (35 người) với 29 vụ việc, đã giải quyết 29 vụ việc. Tiếp nhận 13 đơn, 13 vụ việc phản ánh, kiến nghị (*đủ điều kiện giải quyết 12 đơn 12 vụ việc*). Tổng số đơn phải giải quyết 39 đơn phản ánh, kiến nghị (*kỳ trước chuyển sang 27 đơn*), đã giải quyết 15 đơn, đang giải quyết 24 đơn với 24 vụ việc (*Đơn trong kỳ báo cáo 09 đơn, đơn kỳ trước chuyển sang 15 đơn*).

**2. Công tác Tư pháp:** Tổ chức đăng ký và quản lý hộ tịch trên hệ thống phần mềm hộ tịch; thực hiện công tác hộ tịch, chứng thực tư pháp theo đúng quy định<sup>16</sup>. Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tuyên truyền các văn bản mới, văn bản liên quan trực tiếp đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân được 5.665 lượt người tham gia; Tổ chức 7 hội nghị tuyên truyền cho hội viên hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ 7 xã, thị trấn với tổng số 1.012 hội viên tham gia.

Phân công báo cáo viên pháp luật tuyên truyền tại 24 bản của 03 xã Tả Lèng, Nà Tăm, Sơn Bình được 24 buổi với tổng số 1.530 người tham gia. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính<sup>17</sup>. Tổ chức hòa giải thành 25/26 vụ (*16 vụ thuộc lĩnh vực đất đai; 03 vụ thuộc lĩnh vực an ninh trật tự; 03 vụ thuộc lĩnh vực dân sự và 03 vụ thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình*), không thành 01 vụ (*thuộc lĩnh vực đất đai*).

#### V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong tháng các cơ quan, đơn vị có nhiều nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần chủ động, tích cực tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả.

Lĩnh vực nông nghiệp đã triển khai thực hiện cơ bản đảm bảo tiến độ, diện tích các cây trồng chính, thực hiện tốt công tác giám sát, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng, phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi nên không phát sinh dịch bệnh lớn. Các mô hình, dự án nông nghiệp mới tiếp tục được quan tâm thực

<sup>15</sup>Xảy ra 01 vụ, chết 01 người do chết đuối (cháu Tòng Tuấn Tú - sinh năm: 2017, trú tại Nà Khan, Bình Lư).

<sup>16</sup> Cấp huyện: Đăng ký hộ tịch cho 39 trường hợp, trong đó: 02 việc đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; 22 việc Cải chính hộ tịch, 15 việc cấp trích lục bản sao hộ tịch.

Cấp xã: Đăng ký 725 trường hợp, trong đó: đăng ký khai sinh: 423 trường hợp; Đăng ký kết hôn: 59 cặp; Đăng ký khai tử: 18 trường hợp; Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 27 trường hợp; Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch: 40 trường hợp; ghi vào sổ hộ tịch các thay đổi hộ tịch khác: 6 trường hợp; cấp trích lục hộ tịch: 152 trường hợp, 319 bản, thu lệ phí 530.000 đồng.

<sup>17</sup>xử lý 09 vụ vi phạm hành chính, cụ thể: xã Bình Lư xử lý ở mức độ cảnh cáo 01 vụ vi phạm trong lĩnh vực hộ tịch (đăng ký khai tử quá hạn), xử lý 03 vụ vi phạm trong lĩnh vực an ninh trật tự, xử phạt 5.500.000; Tại xã Bản Bo xử lý ở mức độ cảnh cáo 01 vụ vi phạm trong lĩnh vực hộ tịch (đăng ký khai sinh quá hạn);

Tại UBND xã Khun Há xử lý 04 vụ vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, xử phạt 2.250.000(tảo hôn) Thẩm định 01 hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đảm bảo đúng quy định của pháp luật.



Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt được đầu tư năm 2020. Kiểm tra, rà soát các công trình, điểm dân cư nằm trong vùng nguy cơ sạt lở cao để có phương án di chuyển và phòng chống kịp thời đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân. Thực hiện tốt công tác ứng trực phòng, chống lụt bão 24/24h khi xảy ra mưa, lũ.

3. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi và thảo luận dự toán năm 2021 trên địa bàn huyện. Tiếp tục thẩm định và lựa chọn nhà thầu của các Chủ đầu tư. Thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, thương mại phát triển. Kiểm tra kiểm soát chặt chẽ giá cả thị trường, chất lượng hàng hóa, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Tăng cường quản lý, giám sát chất lượng thi công các công trình xây dựng, chủ động, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư xây dựng, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình cam kết thực hiện giải ngân đúng tiến độ. Chỉ đạo cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khai thác khoáng sản, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

5. Chỉ đạo các trường phân công trực, bàn giao, phối hợp quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong thời gian nghỉ hè; thực hiện kế hoạch bồi dưỡng hè 2020; chuẩn bị chu đáo các điều kiện cho việc thực hiện Đại hội khuyến học huyện và công tác khai giảng năm học mới 2020 - 2021.

6. Làm tốt công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân, công tác phòng chống dịch bệnh; chuẩn bị chu đáo về nhân lực, vật tư, trang thiết bị cho công tác cấp cứu, khám chữa bệnh trong phòng chống thiên tai, dịch bệnh (*đặc biệt là không được chủ quan trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19*). Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số và kế hoạch hoá gia đình.

7. Tiếp tục chỉnh trang, nâng cấp, làm mới các hạng mục ở các điểm du lịch. Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá tiềm năng du lịch và thu hút khách du lịch. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và thành viên ban chỉ đạo tăng cường đôn đốc thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Chuẩn bị các nội dung để thực hiện tổng kết 20 năm phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và tuần văn hóa du lịch năm 2020.

8. Tiếp tục thực hiện các chính sách xã hội đối với người nghèo, gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định. Triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo; hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình; Tiếp tục Triển khai thực hiện kế hoạch dạy nghề năm 2020; làm tốt công tác dân tộc; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn.

9. Duy trì tốt chế độ trực SSCĐ, tổ chức tuần tra canh gác, nắm vững tình hình an ninh chính trị. Tổ chức huấn luyện cho các lực lượng đảm bảo thời gian, quân số theo kế hoạch. Tiếp tục thực hiện các biện pháp đảm bảo giữ vững ổn

định chính trị và trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt công tác quản lý người nước ngoài đến địa bàn; tăng cường tấn công truy quét tội phạm, điều tra làm rõ các vụ án hình sự đã xảy ra chưa rõ đối tượng; tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự ATXH, trật tự ATGT.

**10.** Chỉ đạo các cơ quan đơn vị thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết các đơn thư khiếu nại. Thực hiện tốt việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, và các ý kiến, kiến nghị cử tri sau kỳ họp thứ 11 của HĐND huyện. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; công tác chứng thực; công tác hòa giải ở cơ sở; thẩm định các quy ước thôn bản và các công tác tư pháp khác đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

UBND huyện Tam Đường báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 8, nhiệm vụ trọng tâm tháng 9 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Xuân Thịnh**

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 8 NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 445/BC-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 08			So sánh (%)		Ghi chú
				Tháng 08/2019	Ước thực hiện tháng 08 năm 2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 8 năm 2020/TH tháng 8 năm 2019	Ước TH tháng 8 năm 2020/KH 2020	
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.728,4						
	Thu nhập bình quân đầu người	Tr. Đồng	30						
2	Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực	ha	9.705	1.740,0	1.873,0	8.596,8	107,6	19,3	
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	43.200	.		.	.	.	
	Bình quân lương thực đầu người/năm	kg	736						
3	Diện tích cây chè	Ha	1.762,50	1.524,90	1.537,90	1.578,90	100,85	87,26	
	Trong đó: Trồng mới	Ha	180	101,0	201,3	242,3	199,3	111,8	
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	47,00	46,60	49,1	49,1	105,32	104,4	
5	Tỷ lệ bản có đường tới bản được cứng hóa, đi lại thuận tiện 4 mùa	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
6	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	33,2	2,620	2,421	11,509	92,4	7,3	
7	Văn hóa								
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	87,5	83,9	84,2	84,2	100,4	96,2	
	- Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	80,5	74,4	84,1	84,1	113,0	104,5	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	100,0	95,4	96,7	96,7	101,4	96,7	
8	Y tế								
	- Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	13	13	13	13	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,0	92,9	100,0	100,0	107,7	100,0	
	- Số bác sỹ/vận dân	bác sỹ	5,20	4,91	5,20	5,20	105,9	100,0	
9	Tỷ lệ giảm sinh bình quân	‰	0,7			0,7		-	
10	Hạ tầng điện, cấp nước								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Tháng 08			So sánh (%)		Ghi chú
				Tháng 08/2019	Ước thực hiện tháng 08 năm 2020	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước TH tháng 8 năm 2020/TH tháng 8 năm 2019	Ước TH tháng 8 năm 2020/KH 2020	
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,7	97,0	99,2	99,2	102,3	97,3	
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,0	98,5	99,3	99,3	100,8	98,5	
	- Tỷ lệ dân số thị trấn được sử dụng nước sạch	%	73,2	71,0	72,9	72,9	102,7	97,0	
<b>11</b>	<b>Giảm nghèo, lao động và giải quyết việc làm</b>								
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50,0						
	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	1.030						
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4,20						Cuối năm
<b>12</b>	<b>Xếp loại chính quyền cơ sở</b>								
	Tỷ lệ xã , thị trấn xếp loại tốt	%	57,1						Cuối năm
	Tỷ lệ xã , thị trấn xếp loại khá	%	42,9						Cuối năm

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

(Kèm theo Báo cáo số 445/BC-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 8 năm 2019	Năm 2020			So sánh %		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện tháng 8	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước tháng báo cáo/TH tháng báo cáo của năm trước	Ước tháng báo cáo/Kế hoạch năm báo cáo	
A	B	C	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 3/2	
<b>A</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>								
<b>I</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>								
<b>1</b>	<b>DT gieo trồng cây lương thực</b>	<b>ha</b>	<b>1.740</b>	<b>9.705</b>	<b>1.873</b>	<b>8.596,8</b>	107,6	19,3	
-	Tổng diện tích lúa	ha	-	5.050	-	4.830,0		0,0	
-	Tổng diện tích ngô	ha	1.740	4.655	1.873	3.766,8	107,6	40,2	
-	Năng suất lúa bình quân	ha		52,2		44,2		0,0	
-	Năng suất ngô bình quân	ha	38,00	36,13	39,00	38,61	102,6	108,0	
<b>2</b>	<b>Một số cây trồng chính</b>								
<b>2.1</b>	<b>Cây lương thực</b>								
<b>a</b>	<b>Lúa cả năm: + Diện tích</b>	<b>ha</b>	<b>-</b>	<b>5.050,0</b>	<b>-</b>	<b>4.830,0</b>		0,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	5.050,0	-	552,8		0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha		52,2		44,2		0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	26.383,0	-	2.444,0		0,0	
<b>+</b>	<b>Lúa đông xuân: + Diện tích</b>	<b>ha</b>		<b>733</b>		<b>708,2</b>		0,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha		733		552,8		0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha		53,50		44,2		0,0	
-	Sản Lượng	Tấn		3.924,0		2.444,0		0,0	
<b>+</b>	<b>Lúa mùa: + Diện tích</b>	<b>ha</b>		<b>4.317</b>		<b>4.121,8</b>		0,0	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	4.317	-	-		0,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	52,0	-	-		0,0	
-	Sản Lượng	Tấn	-	22.459,0	-	-		0,0	
<b>b</b>	<b>Ngô cả năm: Diện tích</b>	<b>ha</b>	<b>1.740,0</b>	<b>4.655,0</b>	<b>1.873,0</b>	<b>3.766,8</b>		40,2	
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	850,0	4.655,0	863,0	2.756,8		18,5	
-	Năng suất	Tạ/ha	38,0	36,1	39,0	38,6		108,0	



-	Sản Lượng	Tấn	3.230,0	16.817,0	3.365,7	10.643,0		20,0
+	<b>Ngô đông xuân: Diện tích</b>	<b>ha</b>	-	<b>467</b>	-	<b>483,8</b>		0,0
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	467	-	484		0,0
-	Năng suất	Tạ/ha	-	37,00	-	36,8		0,0
-	Sản Lượng	Tấn	-	1.729	-	1.778		0,0
+	<b>Ngô xuân hè: Diện tích</b>	<b>ha</b>	<b>850,0</b>	<b>2.623</b>	<b>863,0</b>	<b>2.273,0</b>		32,9
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	850,0	2.623	863,0	2.273,0		32,9
-	Năng suất	Tạ/ha	38,0	38,08	39,0	39,0		102,4
-	Sản Lượng	Tấn	3.230,0	9.988	3.365,7	8.865,0		33,7
+	<b>Ngô thu đông: Diện tích</b>	<b>ha</b>	<b>890,0</b>	<b>1.440</b>	<b>1.010,0</b>	<b>1.010,0</b>		70,1
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	1.440	-	-		0,0
-	Năng suất	Tạ/ha	-	32,64	-	-		0,0
-	Sản Lượng	Tấn	-	4.700	-	-		0,0
+	<b>Ngô đông: Diện tích</b>	<b>ha</b>	-	<b>125</b>	-	-		0,0
-	Diện tích cho thu hoạch	ha	-	125	-	-		0,0
-	Năng suất	Tạ/ha	-	32,00	-	-		0,0
-	Sản Lượng	Tấn	-	400	-	-		0,0
<b>2.2</b>	<b>Cây mầu: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>22,00</b>	<b>260</b>	<b>22,00</b>	<b>174,0</b>	100,0	8,5
-	Sản lượng	Tấn	70	832,0	70	557	100,0	8,5
<b>2.3</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>							
a	Cây lạc: Diện tích	ha	-	287,0	-	232,0		0,0
-	Năng suất	Tạ/ha	-	13,6	-	13,6		0,0
-	Sản lượng	Tấn	-	390	-	316,0		0,0
b	Cây Đậu tương: Diện tích	ha	-	72,0	-	67,0		0,0
-	Năng suất	Tạ/ha	-	14,00	-	14,0		0,0
-	Sản lượng	Tấn	-	101,0	-	94,0		0,0
c	Dong diêng: Diện tích	ha	-	72,0	-	81,2		0,0
-	Năng suất	Tạ/ha	-	595	-	-		0,0
-	Sản lượng	Tấn	-	4.281,0	-	-		0,0
d	Cây mía: Diện tích	ha	-	62,0	-	70,0		0,0
-	Năng suất	Tạ/ha	-	496,8	-	-		0,0
-	Sản lượng	Tấn	-	3.080,0	-	-		0,0
<b>2.3</b>	<b>Cây công nghiệp dài ngày</b>							
-	<b>Tổng diện tích cây chè</b>	<b>ha</b>	<b>1.524,9</b>	<b>1.762,5</b>	<b>1.537,9</b>	<b>1.578,9</b>	100,9	87,3
	Trong đó: Trồng mới	ha	101,0	180,0	201,3	242,3	199,3	111,8



-	Thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	xã	13	13	12	12	92,3	92,3	
+	Số xã đạt 19 tiêu chí	xã	5	8	6	6	120,0	75,0	
+	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	1	-	-	-	-	-	
+	Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí	xã	7	5	6	6	85,7	120,0	
+	Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí	xã	-	-	-	-	-	-	
-	Bình quân tiêu chí trên xã	TC/xã	14,5	16,0	15,75	15,75	108,9	98,4	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt</b>								
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98,5	100	99,3	99,3	100,8	99,3	Lũy kế
-	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,2	98,7	99	99	100,8	100,3	



## CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN TRONG THÁNG BÁO CÁO

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Năm trước (2019)	Tháng 8				Ghi chú
					Năm báo cáo (2020)		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy kế	Năm trước	Kế hoạch năm	
<b>A</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU</b>								
	<b>Các chỉ tiêu về xã hội</b>								
<b>1</b>	<b>Hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước</b>								
	Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa	xã	14	14	13	13	92,9	92,9	
	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
	Tỷ lệ bản có đường xe máy, ô tô đi lại thuận lợi	%	100,0	96,8	98,4	98,4	101,7	98,4	
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,7	97	99,2	99,2	102,3	99,5	
	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	73,2	72	72,9	72,9	101,3	99,6	
<b>B</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC</b>								
<b>I</b>	<b>Ngành công nghiệp</b>								
<b>1</b>	<b>Phân theo thành phần kinh tế</b>	<b>Tr. đồng</b>							
	- Quốc doanh Trung ương	Tr. đồng							
	- Quốc doanh địa phương	Tr. đồng							
	- Công nghiệp ngoài quốc doanh	Tr. đồng	224.254,8	17.798,0	17.889,96	148.705,3	100,5	7,98	
	- Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tr. đồng							
<b>2</b>	<b>Phân theo ngành công nghiệp</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>224.254,8</b>	<b>17.798,0</b>	<b>17.889,96</b>	<b>148.705,3</b>	<b>100,5</b>	<b>7,98</b>	
	CN khai khoáng	"	25.116,0	1.993,3	1.998,50	16.650	100,26	7,96	
	CN chế biến, chế tạo	"	163.153,2	12.948,7	13.201,60	108.374	101,95	8,09	
	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước	"	35.985,6	2.856,0	2.689,86	23.681	94,18	7,47	
<b>II</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>								
1	Điện phát ra	1000kw	33.245,3	2.690	2.689,75	22.083	100,00	8,09	
2	Cát xây dựng (tận thu)	M3	35.000,0	6.375	375,00	20.792	5,88	1,07	
3	Đá xây dựng	M3	102.000	8.333	3.333,33	62.833	40,00	3,27	
4	Nông cụ cầm tay	1000 Cái	173,4	14,2	14,17	115	100,00	8,17	
5	Gỗ xẻ	M3	459,0	37,5	37,50	305	100,00	8,17	
6	Gỗ đò mộc	M3	198,9	16,3	16,25	132	100,00	8,17	
7	Gạch đất nung	Tr.viên	18,4	1,5	1,50	12	100,00	8,17	

8	Gạch không nung	Tr.viên	2,1	0,17	0,17	1	100,00	7,94	
9	Nước máy	M3	305,3	25	24,94	203	100,00	8,17	
10	Chè chè biến	Tấn	2.197,0	56,9	56,88	1.338	100,00	2,59	
11	Sản phẩm may mặc	Cái	45.900,0	3.750	3.750,00	30.525	100,00	8,17	
12	Quặng các loại	Tấn		1.267					
13	Bánh đa, bún khô	Kg	15.300,0	1.250	1.250,00	10.175	100,00	8,17	
14	Miến dong	Kg	71.400,0	5.833	5.833,33	47.483	100,00	8,17	
15	Trang in	Tr.trang	2,6	0,208	0,21	2	100,00	8,17	
16	Say sát gạo	Tấn	35.700,0	2.917	2.916,67	23.742	100,00	8,17	
17	Các sản phẩm khác	Tr. đồng	12.000,0	1.000	1.000,00	8.000	100,00	8,33	

Biểu số 4

**CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN VỀ PHÁT TRIỂN  
THƯƠNG MẠI - DU LỊCH - XUẤT NHẬP KHẨU**

*(Kèm theo Báo cáo số 445/BC-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện tháng 8		Lũy kế hết tháng 8/2020	So sánh		Ghi chú
				Năm 2019	Năm 2020		Ước TH tháng 8/2020/TH tháng 8/2019	Ước thực hiện tháng 8/2020/KH năm 2020	
A	B	C							
<b>A</b>	<b>THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ</b>								
<b>1</b>	<b>Giá trị sản xuất thương mại</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>265.225</b>	<b>21.571,7</b>	<b>22.119,09</b>	<b>176.850,68</b>	<b>102,5</b>	<b>8,3</b>	
	Trong đó:								
	- Thương mại (bán lẻ hàng hóa)	Tr. đồng	228.248,0	18.578,4	19.027,67	152.179	102,42	8,34	
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tr. đồng	36.977,0	2.993,3	3.091,42	24.671	103,28	8,36	
	- Công trình chợ	C.Trình	3,0	3	3	3	100,00	100,00	
	- Nhà máy thủy điện	N.máy	3,0	1	1	1	100,00	33,33	
	- Nhà máy gạch	N.máy	1,0	2	1	1	50,00	100,00	
<b>B</b>	<b>DU LỊCH</b>								
<b>1</b>	<b>Mạng lưới khách sạn</b>								
	- Số Khách sạn	Cái	3	3	4	4	133	133	
	Trong đó: KS 3 sao trở lên	Cái							
	- Số phòng khách sạn, nhà nghỉ	Phòng	131	131	170	170	130	130	
	Công suất sử dụng phòng	%	62	61	61	61	100	98	
	Nhà hàng	Cái	16	16	16	16	100	100	
<b>2</b>	<b>Tổng lượt khách du lịch</b>	<i>lượt người</i>	<b>300.000</b>	<b>3.800</b>	<b>38.642</b>	<b>142.217</b>	<b>1.017</b>	<b>13</b>	
	Trong đó:								
	+ Khách quốc tế	Lượt người	10000	130	-	1.702	-	-	
	- Ngày lưu trú/ khách quốc tế	Ngày	1,0	1	1,0	1	100	100	
	- Mức chi tiêu trong ngày/khách quốc tế	Triệu đồng	1,0	1,0	1,0	1	100	100	
	+ Khách nội địa	Lượt người	290.000	3.670	38.642	140.515	1.053	13	
	- Ngày lưu trú/ khách nội địa	Ngày	0,6	0,6	0,6	0,6	100	100	
	- Mức chi tiêu trong ngày/khách nội địa	Triệu đồng	0,6	0,6	0,6	0,6	100	100	



<b>3</b>	<b>Doanh thu ngành du lịch</b>	<b>Tỷ đồng</b>	114,4	1,9	13,91	52,3	732	12	
	+ Khách quốc tế	<b>Tỷ đồng</b>	10	0,18	-	1,70	-	-	
	+ Khách nội địa	<b>Tỷ đồng</b>	104,4	1,72	13,91	50,6	810	13	

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH Y TẾ

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm thực hiện	Tháng 8					Ghi chú
				Năm trước	Năm báo cáo		So sánh (%)		
					Trong tháng	Lũy tích	Năm trước	Kế hoạch năm	
<b>I</b>	<b>Cơ sở y tế và giường bệnh</b>		56342						
1	Số cơ sở y tế quốc lập								
-	Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV							
-	Bệnh viện chuyên khoa	BV							
-	Bệnh viện đa khoa huyện	BV							
-	Trung tâm y tế huyện/thành phố	TT	1	1	1	1	100	100	
-	Phòng khám đa khoa khu vực	PK	0	0		0			
-	Trạm y tế xã/phường/thị trấn	Trạm	13	14	13	13	92,9	100,0	
2	Cơ sở y tế tư nhân	cơ sở							
3	Tổng số giường bệnh quốc lập toàn tỉnh	Giường							
	- Giường bệnh tuyến huyện	Giường	110	100	110	110	110,0	100,0	
	+ Giường bệnh tại Bệnh viện/TTYT huyện	Giường	110	100	110	110	110,0	100,0	
	+ Giường PKĐKKV	Giường	0	0	0	0			
	+ Giường bệnh trạm y tế xã	Giường	56	56	56	56	100,0	100,0	
4	Số giường bệnh tư nhân	Giường	0	0	0	0			
5	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	19,52	17,30	19,53	19,53	112,9		
	Trong đó:								
-	Số giường bệnh quốc lập/ 1 vạn dân	Giường	19,52	17,30	19,53	19,53	112,9		
-	Số giường bệnh tư/ 1 vạn dân	Giường							
5	Trạm y tế xã, phường, thị trấn	Trạm	13	14	13	13	92,9	100,0	
<b>II</b>	<b>Nhân lực y tế</b>								
<b>I</b>	<b>Tổng số cán bộ</b>		258	261	248	248	95,0	96,1	
	Trong đó:								
1.1	Bác sỹ		29	28	29	29	103,6	100,0	
	Số bác sỹ/vạn dân		5,20	4,9	5,2	5,2	105,9	100,0	

1.2	Dược sỹ đại học		3	2	3	3	150,0	100,0	
	Tỷ lệ dược sỹ đại học/vạn dân		0,5	0,35	0,5	0,5	142,9	100,0	
	Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (bao gồm bác sỹ làm việc định kỳ)		13	12	12	12	100,0	92,3	
2	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (bao gồm bác sỹ làm việc định kỳ)		100	85,71	92	92	107,7	92,3	
3	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%	7,14	7,14	7,14	7,14	100,0	100,0	
4	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi	%	100	100	84,6	84,6	84,6	84,6	
5	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	100	96,05	95,24	95,24	99,2	95,2	
<b>III</b>	<b>Một số chỉ tiêu tổng hợp</b>								
1	Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	trạm	13	13	13	13	100,0	100,0	
	Trong đó: Số được công nhận mới trong năm		0						
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	100	92,86	100,00	100	107,7	100,0	
2	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	28,0	19,8	27,0	34,5		123,2	
3	Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	45,30	29,7	40,5	41,1	136,5	90,6	
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	21,66	-	-	21,43			
5	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	≤80	0	-	-			
6	Tỷ lệ TE < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vacxin	%	95,0	9,1	5,6	49,1	61,8	51,7	
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai	%	74,00	79,79	68,92	73,08	86,4	98,8	
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ		69,04	82,98	82,43	78,85	99,3	114,2	
9	Tỷ suất mắc các bệnh xã hội								
	- Uốn ván	1/100.000			0	0			
	- Sốt rét	‰	1,03	0,03	0	0,0		0,0	
	- Lao	1/100.000	39,28	17,35	14,20	14,20	81,9	36,2	
	- HIV/ AIDS	%	0,41	0,41	0,41	0,41	100,0	100,0	
10	Số ca tử vong do mắc các bệnh xã hội/100.000 dân								
	- Uốn ván:	1/100.000	0,0	0	0	0	-	-	

	- HIV/ AIDS	1/100.000	0,00		0,00	0	-	-	
11	Số trẻ em dưới 15 tuổi mắc/chết các bệnh có vắc xin tiêm chủng								
	Số mắc	Người	0	0	0	0	-	-	
	Số chết	Người	0	0		0	-	-	
12	Số vụ, số người bị ngộ độc thực phẩm, số người chết do ngộ độc thực phẩm								
	Số vụ	Vụ	0	0	0	0			
	Số ca mắc	Ca	0	0	0	0			
	Số tử vong	Ca	0	0	0	0			
13	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95	92	95	95	103,3	100,0	
<b>IV</b>	<b>Đào tạo</b>								
1	Duy trì đào tạo								
-	Bác sỹ CKI ,II, thạc sỹ (sau đại học)	Người	6	3	6	6	200,0	100,0	
-	Đại học Y, dược, y tế cộng đồng	Người	12	9	13	13	144,4	108,3	
-	Đại học điều dưỡng	Người	2	6	6	6	100,0	300,0	
-	Trung cấp y tế	Người		0		0			
2	Đào tạo mới trong năm								
-	Đào tạo y tá thôn, bản	Người	9		0	1			
-	Bác sỹ CKI ,II, thạc sỹ (sau đại học)	Người	2	-	0	-			
-	Đại học Y, dược, y tế cộng đồng	Người	5	-	0	0			
-	Đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, đại học tại trường trung cấp y	Người		0	0	12			
-	Trung cấp y tế	Người							

## CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH

(Kèm theo Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	THỰC HIỆN THÁNG 8			So sánh (%)		Ghi chú
				Năm 2019	Năm 2020	Lũy kế 8 tháng đầu năm	Ước TH tháng 8/2020/tháng 8/2019	ước TH tháng 8/2020/KH năm 2020	
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu hoạt động</b>								
<b>1</b>	<b>Tổng số giờ phát thanh</b>	<b>Giờ/năm</b>	<b>6.935</b>	<b>589</b>	<b>589</b>	<b>4.579</b>	<b>100,0</b>	<b>8</b>	
	Trong đó:								
	- Đài tỉnh	Giờ/năm							
	- Đài huyện	Giờ/năm	6.935	589	589	4.579	100,0	8	
	Trong đó:								
1.1	Số giờ phát Sóng chương trình địa phương (FM + TH)	Giờ/năm							
	Trong đó:								
	- Đài tỉnh	Giờ/năm							
	- Đài huyện, thành phố	Giờ/năm	401	45	45	317	100,0	11	
1.2	Thời lượng phát thanh bằng tiếng dân tộc	Giờ/năm							
<b>2</b>	<b>Tổng số giờ phát sóng truyền hình</b>	<b>Giờ/năm</b>	<b>20.805</b>	<b>1.710</b>	<b>1.710</b>	<b>13.680</b>	<b>100,0</b>	<b>8</b>	
	- Đài truyền hình tỉnh	Giờ/năm							
	- Các trạm truyền hình huyện, thị	Giờ/năm	20.805	1.710,0	1.710	13.680	100,0	8	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ hộ xem được đài truyền hình Việt Nam</b>	<b>%</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam</b>	<b>%</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất cho hệ thống PT-TH</b>								
<b>1</b>	<b>Số trạm phát sóng FM</b>	<b>Trạm</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	
	- FM huyện, xã	Trạm	13	13	13	13	100,0	100	
<b>2</b>	<b>Số trạm truyền thanh huyện</b>	<b>Trạm</b>	<b>13</b>	<b>13,0</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	
<b>3</b>	<b>Số đài, trạm phát lại truyền hình</b>								
	- Đài truyền hình tỉnh	Đài							
	- Đài truyền hình huyện, thị	Đài	1	1	1	1	100,0	100	
	- Trạm truyền hình khu vực cụm, xã	Trạm							